

ĐỀ THI SỐ 1

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Nối các phân bằng nhau với nhau:

$$\frac{4}{7}$$

$$\frac{15}{8}$$

$$\frac{8}{9}$$

$$\frac{20}{28}$$

$$\frac{45}{24}$$

$$\frac{5}{7}$$

$$\frac{12}{21}$$

$$\frac{16}{18}$$

Câu 2. Số thích hợp viết vào chỗ chấm để $57\text{m}^2 3\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$ là :

A. 5730

B. 573

C. 570 003

D. 5703

Câu 3. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

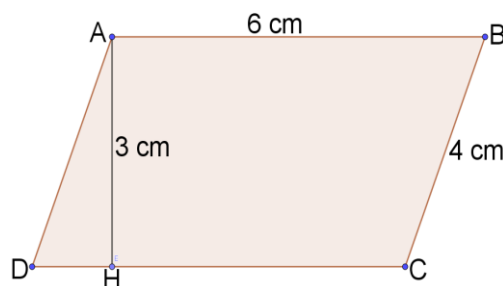
Hình bình hành ABCD (hình bên) có:

A. AB vuông góc với DC ☐

B. AH vuông góc với DC ☐

C. Chu vi hình bình hành ABCD là 18 cm ☐

D. Diện tích hình bình hành ABCD là 18 cm^2 ☐



Câu 4. Mẹ hơn con 32 tuổi. Biết tuổi con bằng $\frac{1}{5}$ tuổi mẹ. Vậy tuổi của con là

A. 40 tuổi

B. 30 tuổi

C. 8 tuổi

D. 32 tuổi

Câu 5. Kết quả phép cộng $\frac{1}{3} + \frac{5}{6}$ là :

A. 1

B. $\frac{1}{6}$

C. $\frac{6}{9}$

D. $\frac{7}{6}$

Câu 6. Kết quả phép trừ $4 - \frac{3}{5}$ là :

A. $\frac{1}{5}$

B. $\frac{17}{5}$

C. $\frac{3}{20}$

D. $\frac{1}{3}$

II. TỰ LUẬN**Bài 1.** Điền dấu ($>$; $<$; $=$) thích hợp vào chỗ chấm:

A. 2 giờ 45 phút 245 phút

B. $\frac{7}{5} \times \frac{8}{7} \dots\dots\dots \frac{5}{7} : \frac{8}{7}$

Bài 2. Đặt tính rồi tính

$$5487 + 8369$$

$$37978 - 5169$$

.....

.....

.....

.....

Bài 3. Tính

$$4 \times \frac{7}{4}$$

$$\frac{6}{11} : \frac{3}{4}$$

.....

.....

.....

.....

Bài 4. Tìm y:

$$y - \frac{5}{6} = \frac{2}{3}$$

$$y \times \frac{2}{3} = \frac{7}{3}$$

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5. Lớp 4A có 34 học sinh. Nếu không tính bạn lớp trưởng thì số học sinh nam gấp

đôi số học sinh nữ. Hỏi lớp 4A có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ, biết rằng lớp trưởng là nữ ?

Bài giải

.....
.....
.....
.....

-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 2

Câu 1. Cho các số 354200; 76895; 54321; 55 667. Số chia hết cho 2 và 5 là:

- A. 354200 B. 76895 C. 54321 D. 55 667

Câu 2. Tìm phân số viết vào chỗ chấm để có kết quả đúng:

- A. $\frac{2}{3} + \dots = 1$ B. $\frac{1}{4} + \dots = 1$ C. $\frac{9}{11} + \dots = 1$

Câu 3. Số thích hợp điền vào chỗ chấm của $9 \text{ km}^2 400 \text{ m}^2 = \dots \text{ m}^2$ là:

- A. 9004000 B. 9000400 C. 900400 D. 90000400

Câu 4. Tìm giá trị của x biết: $x - \frac{11}{5} = \frac{2}{5} : \frac{2}{3}$

Trả lời: X =

Câu 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Một mảnh vườn hình chữ nhật có chu vi 120m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Diện tích mảnh vườn đó là:.....

Câu 6. Lớp 4A có 35 học sinh, lớp 4B có 33 học sinh cùng tham gia trồng cây. Lớp 4A trồng nhiều hơn lớp 4B 10 cây. Hỏi mỗi lớp trồng được bao nhiêu cây, biết rằng mỗi học sinh trồng được số cây như nhau?

Trả lời: - Lớp 4A trồng đượccây
 - Lớp 4B trồng đượccây.

Câu 7: Trung bình cộng hai số bằng 135. Biết một trong hai số là 246. Tìm số kia.

Trả lời: - Số cần tìm là:

Câu 8. Hiện nay mẹ hơn con 28 tuổi. Sau 3 năm nữa, tuổi mẹ gấp 5 lần tuổi con. Tính tuổi mỗi người hiện nay?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 9. Một thửa ruộng hình hành có độ dài đáy là 100m, chiều cao là 50m. Người ta trồng lúa ở đó, tính ra cứ 100m² thu hoạch được 50kg thóc. Hỏi đã thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10. Miếng bìa hình bình hành có độ dài đáy hơn chiều cao là 28 cm, đáy bằng $\frac{5}{3}$ chiều cao.

a) Tính độ dài đáy; chiều cao của miếng bìa.

b) Tính diện tích miếng bìa.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 3**I. TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Giá trị chữ số 4 trong số 240 853 là:

- A. 4 B. 40 C. 40853 D. 40 000

Câu 2. Trong các phân số $\frac{12}{6}$; $\frac{2}{6}$; $\frac{3}{6}$; $\frac{41}{6}$, phân số tối giản là:

- A. $\frac{12}{6}$ B. $\frac{2}{6}$ C. $\frac{3}{6}$ D. $\frac{41}{6}$

Câu 3. Quãng đường AB dài 6 km. Trên bản đồ tỉ lệ 1: 100 000, quãng đường từ A đến B đo được bao nhiêu cm?

- A. 6 m B. 6 cm C. 6 dm D. 60 cm

Câu 4. Hình thoi có diện tích là 30dm^2 . Biết độ dài đường chéo thứ nhất là 6dm. Độ dài đường chéo thứ hai của hình bình thoi đó là:

- A. 24 dm B. 5 dm C. 10 dm D. 5dm^2

Câu 5. Để $\overline{244a}$ chia hết cho cả 3 và 5 thì giá trị của a là:

A. 0

B. 3

C. 5

D. 8

Câu 6. Chọn đáp án đúng:

A. Hình có 4 cạnh bằng nhau là hình thoi.

B. Hình thoi có hai cặp cạnh đối diện, song song

C. Mỗi hình thoi đều là hình bình hành

D. Mỗi hình bình hành đều là hình thoi.

II. TỰ LUẬN**Câu 1.** Tính

a) $2 + \frac{4}{7}$

b) $\frac{5}{6} - \frac{3}{5}$

c) $\frac{3}{4} \times \frac{5}{6}$

d) $\frac{8}{5} : \frac{8}{7}$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2. Một thửa ruộng hình bình hành có độ dài đáy 60m, chiều cao bằng $\frac{4}{5}$ độ dài đáy.

a, Tính diện tích thửa ruộng đó.

b, Trên thửa ruộng, người ta trồng ngô và trồng khoai; diện tích trồng ngô bằng $\frac{1}{2}$ diện tích trồng khoai. Tính diện tích thửa ruộng dùng để trồng khoai?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 3. Tính bằng cách thuận tiện nhất: $\frac{4}{5} \times \frac{3}{7} + \frac{4}{5} \times \frac{6}{7} - \frac{4}{5} \times \frac{4}{14}$

.....
.....
.....
.....
.....
.....

-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 4**I. TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Số lớn nhất trong các số: 856 564 ; 856 654 ; 856 465 ; 856 546 là:

- A. 856 564 B. 856 654 C. 856 465 D. 856 546

Câu 2. Chọn câu trả lời đúng.

- A. $\frac{4}{10} > \frac{6}{10}$ B. $\frac{5}{7} > 1$ C. $\frac{3}{2} < \frac{1}{2}$ D. $\frac{8}{4} = 2$

Câu 3. Trung bình cộng của hai số là 100. Biết số bé bằng $\frac{1}{4}$ số lớn. Tìm số bé.

- A. 50 B. 40 C. 20 D. 30

Câu 4. Nối số đo ở cột A với số đo ở cột B sao cho phù hợp:

A
1. 12m ² 30cm ²

B
a. 120300cm ²

2. $12\text{m}^2 \ 3\text{dm}^2$

b. 120030cm^2

Câu 5. Một hình bình hành có diện tích là 100 cm^2 , chiều cao 20 cm . Tính độ dài đáy của hình bình hành đó là:

A. 5cm

B. 10cm

C. 20 cm

D. 15 cm

Câu 6. Cho các phân số $\frac{15}{4}$; $\frac{5}{4}$; $\frac{3}{4}$; $\frac{16}{4}$. Phân số lớn nhất là:

A. $\frac{15}{4}$

B. $\frac{5}{4}$

C. $\frac{3}{4}$

D. $\frac{16}{4}$

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Tính

a. $\frac{5}{9} + \frac{4}{3}$

b. $\frac{6}{5} - \frac{2}{3}$

c. $\frac{15}{8} \times \frac{4}{5}$

d. $\frac{6}{7} : \frac{8}{14}$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2. Một thửa ruộng hình chữ nhật có nửa chu vi là 75 m . Chiều rộng bằng $\frac{1}{4}$ chiều dài.

a, Tính diện tích thửa ruộng đó.

b, Trung bình cứ 10 m^2 vườn đó người ta thu được 5 ki - lô - gam khoai. Hỏi trên thửa ruộng đó người ta thu hoạch được bao nhiêu yến khoai?

Bài giải

.....

.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
Câu 3. Tìm x , biết: $x : \frac{1}{2} + \frac{2}{7} = \frac{5}{7}$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 5

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Trung bình cộng của các số: 150 ; 151 và 152 là :

- A. 150 B. 152 C. 151 D. 453

Câu 2. Trong các số 36; 150; 180; 250. Số chia hết cho cả 2; 3; 5 và 9 là:

- A. 36 B. 180 C. 150 D. 250

Câu 3. Biểu thức $\frac{15}{17} \times \frac{45}{33} - \frac{15}{17} \times \frac{12}{33}$ có kết quả là:

- A. $\frac{20}{17}$ B. $\frac{30}{33}$ C. $\frac{20}{33}$ D. $\frac{15}{17}$

Câu 4. Tìm x: $x + 295 = 45 \times 11$

A. $x = 200$

B. $x = 495$

C. $x = 790$

D. $x = 350$

Câu 5. Hai lớp 4A và 4B thu gom được tất cả 250 ki-lô-gam giấy vụn. Lớp 4A thu gom được nhiều hơn lớp 4B là 20 ki-lô-gam giấy vụn. Hỏi lớp 4A thu gom được nhiều ki-lô-gam giấy vụn?

A. 125kg

B. 135kg

C. 230kg

D. 270kg

Câu 6. Một hình bình hành có chiều cao 2dm và độ dài đáy 10cm. Diện tích hình bình hành đó là:

A. 20cm^2

B. 200cm^2

C. 20dm^2

D. 24dm^2

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Tính

a) $\frac{9}{3} + 15$

b) $\frac{4}{9} - \frac{5}{18}$

c) $\frac{3}{5} \times \frac{5}{7}$

d) $\frac{4}{7} : \frac{2}{7}$

Bài 2. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 15m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài.

Trung bình cứ 1m^2 vườn đó người ta thu được 10 ki - lô - gam cà chua. Hỏi trên cả mảnh vườn đó người ta thu được bao nhiêu ki - lô - gam cà chua?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
Bài 3. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

$$(36 + 54) \times 7 + 7 \times 9 + 7$$

.....
.....
.....
.....
-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 6

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Phân số $\frac{5}{8}$ bằng

A. $\frac{15}{32}$

B. $\frac{20}{40}$

C. $\frac{25}{40}$

D. $\frac{10}{24}$

Câu 2. Chữ số 6 trong số 269 857 chỉ

A. 600

B. 6000

C. 60 000

D. 600 000

Câu 3. Rút gọn phân số $\frac{45}{105}$ để được phân số tối giản

A. $\frac{15}{35}$

B. $\frac{9}{35}$

C. $\frac{15}{21}$

D. $\frac{3}{7}$

Câu 4. Số thích hợp điền vào chỗ chấm để $106\text{dm}^2\ 8\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

- A. 1068 B. 10608 C. 10680 D. 16008

Câu 5. Chọn đáp án đúng?

- A. $\frac{5}{11} > \frac{5}{8}$ B. $\frac{15}{24} < \frac{9}{8}$ C. $\frac{2}{7} > \frac{5}{7}$ D. $\frac{13}{12} < 1$

Câu 6. Một hình thoi có độ dài các đường chéo là 60dm và 4m. Diện tích hình thoi là:

- A. 120dm^2 B. 240m^2 C. 12m^2 D. 24dm^2

II. TỰ LUẬN

Bài 1. a. Tính $\frac{5}{3} : 4 + \frac{11}{6}$

b. Tìm x:

.....
.....
.....
.....

... $\frac{2}{5} : x = \frac{1}{3}$

.....
.....
.....

Bài 2. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 72m. Chiều rộng bằng $\frac{1}{4}$ chiều dài.

a) Tính diện tích của thửa ruộng hình chữ nhật

b) Người ta trồng ngô trên thửa ruộng đó, tính ra bình quân 1m^2 đất thu được $\frac{1}{9}$

kg ngô. Hỏi cả thửa ruộng đó thu được bao nhiêu ki-lô-gam ngô ?

Bài giải

.....
.....
.....

.....
.....
.....
.....
.....

Bài 3. Tích của hai số là 1728. Nếu giữ nguyên thừa số thứ hai, giảm thừa số thứ nhất đi 5 đơn vị thì được tích mới là 1488. Tìm hai số đó.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 7

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Phân số $\frac{2}{3}$ bằng phân số nào dưới đây?

A. $\frac{20}{18}$

B. $\frac{15}{45}$

C. $\frac{10}{15}$

D. $\frac{4}{5}$

Câu 2. Chọn đáp án đúng

A. 3 tấn 25 kg = 325 kg

B. $5 \text{ km}^2 17 \text{ m}^2 = 5\,000\,017 \text{ m}^2$

C. 2 phút 10 giây = 260 giây

D. 500 mm = 5 m

Câu 3. Đoạn AB trên bản đồ vẽ theo tỉ lệ 1: 1 000 dài 12 cm. Độ dài thật của đoạn AB

là:

- A. 120m B. 1200m C. 12 000m D. 12cm

Câu 4. Trong các số 6 390 ; 3 929 ; 5 382 ; 7 650. Số không chia hết cho 9 là:

- A. 6390 B. 3929 C. 5382 D. 7650

Câu 5. Có 5 viên bi màu xanh và 8 viên bi màu đỏ. Vậy phân số chỉ số bi màu xanh so với tổng số viên bi là:

- A. $\frac{5}{8}$ B. $\frac{8}{5}$ C. $\frac{5}{13}$ D. $\frac{8}{13}$

Câu 6. Một hình thoi có độ dài đường chéo thứ nhất là 9 dm. Độ dài đường chéo thứ hai bằng $\frac{2}{3}$ độ dài đường chéo thứ nhất. Tính diện tích hình thoi đó?

- A. 18dm² B. 36dm² C. 27dm² D. 54dm²

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Tìm $\frac{x}{y}$ biết:

a) $\frac{4}{3} + \frac{x}{y} = 5$

b) $\frac{3}{4} \times \frac{x}{y} = \frac{6}{5}$

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2. Một đám ruộng hình chữ nhật có chiều dài gấp 3 lần chiều rộng và hơn chiều rộng 40 m.

a) Tính diện tích thửa ruộng đó.

b) Người ta trồng lúa trên thửa ruộng đó, cứ 1m² thu được 3kg thóc. Hỏi thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Trung bình cộng của hai số là 50. Số lớn gấp 3 lần số bé. Tìm số bé

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 8

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Điền dấu $>$, $<$ = hoặc số thích hợp vào chỗ chấm

a) $\frac{3}{4}$ $\frac{12}{16}$

b) $\frac{12}{11}$ $\frac{12}{17}$

c) $\frac{5}{8} = \frac{...}{40}$

d) $\frac{28}{35}$ $\frac{26}{35}$

Câu 2. Phân số $\frac{4}{5}$ bằng phân số nào dưới đây ?

A. $\frac{20}{16}$

B. $\frac{16}{20}$

C. $\frac{16}{15}$

D. $\frac{12}{16}$

Câu 3. Diện tích hình bình hành có độ dài đáy 3dm, chiều cao 23cm là:

- A. 690cm B. 690cm^2 C. 69dm^2 D. 69cm^2

Câu 4. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 150, chiều dài phòng học lớp đó đo được 6cm. Chiều dài thật của phòng học lớp đó là :

- A. 9m B. 5m C. 10m D. 6m

Câu 5. $2\text{km}^2 45\text{m}^2 = \dots\dots \text{m}^2$. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 2000045 B. 200045 C. 20045 D. 2045

Câu 6. 3 tấn 20kg = kg. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 30020 B. 3020 C. 320 D. 302

Câu 7. 3 giờ 15 phút = phút. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 175 B. 185 C. 195 D. 215

Câu 8. $\frac{3}{4}$ thế kỉ = năm. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 75 B. 85 C. 95 D. 105

Câu 9. Đúng ghi Đ, sai ghi S

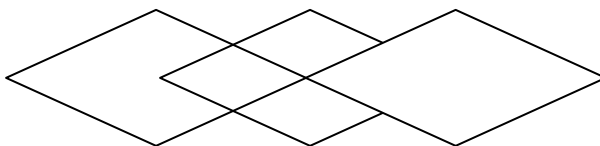
Một khu đất hình chữ nhật có chu vi 320m và chiều dài gấp bốn lần chiều rộng.

Vậy diện tích khu đất đó là:

- a) $16\,384\text{ m}^2$ ☐ b) 4096 m^2 ☐

Câu 10. Hình bên có:

- A. 3 hình thoi
B. 4 hình thoi
C. 5 hình thoi
D. 6 hình thoi



II. TỰ LUẬN

Bài 1. Tính rồi rút gọn:

- a) $\frac{21}{15} + \frac{3}{5}$ b) $\frac{39}{12} - 2$ c) $\frac{7}{3} \times 9$ d) $\frac{4}{8} : \frac{2}{12}$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
Bài 2. Viết số vào dấu *

a) $\frac{5}{6} + \frac{*}{12} = \frac{7}{6}$

b) $\frac{*}{4} + \frac{2}{5} = \frac{13}{20}$

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
Bài 3. Tìm x: $\frac{5}{3} - x = \frac{7}{12} : \frac{5}{6}$

.....
.....
.....
.....

Bài 4. Một mảnh vườn hình chữ nhật có nửa chu vi là 90dm, chiều rộng bằng $\frac{4}{5}$ chiều dài. Tính diện tích mảnh vườn đó ra đơn vị mét vuông.

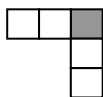
Bài giải

-----Hết-----

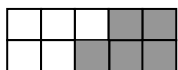
ĐỀ THI SỐ 9

I. TRẮC NGHIỆM

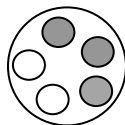
Câu 1. $\frac{3}{5}$ là phân số chỉ phần nào tô màu của hình



A. Hình 1



B. Hình 2



C. Hình 3



D. Hình 4

Câu 2. Phân số nào dưới đây bằng phân số $\frac{4}{7}$

A. $\frac{24}{35}$

B. $\frac{20}{14}$

C. $\frac{16}{21}$

D. $\frac{32}{56}$

Câu 3. Sắp xếp các phân số sau $\frac{5}{2}; \frac{5}{5}; \frac{1}{8}; \frac{4}{8}$ theo thứ tự từ bé đến lớn

A. $\frac{1}{8}; \frac{5}{5}; \frac{5}{2}$

B. $\frac{5}{2}; \frac{1}{8}; \frac{4}{8}; \frac{5}{5}$

C. $\frac{5}{2}; \frac{5}{5}; \frac{1}{8}; \frac{4}{8}$

D. $\frac{5}{5}; \frac{5}{2}; \frac{1}{8}; \frac{4}{8}$

Câu 4. Một mảnh vườn hình thoi có độ dài đường chéo thứ nhất là 10 dm, độ dài đường chéo thứ hai là 20 m. Vậy diện tích mảnh vườn đó là:

$\frac{4}{8}$

A. 100 m²

B. 1000d m²

C. 2000 dm²

D. 200 m²

Câu 5. Đúng ghi “Đ”, sai ghi “S” vào ô trống:

a) 8460kg : 36 = 235kg ☐

b) Lớp em đang học có diện tích khoảng : 56 dm² ☐

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Tính

a. $7 - \frac{4}{5}$

b. $\frac{4}{3} + \frac{7}{24}$

c. $3 : \frac{9}{4}$

d. $\frac{21}{36} \times \frac{9}{7}$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2. Đổi

a. $5 \text{ hm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

b. $\frac{4}{5} \text{ tấn} = \dots\dots\dots \text{ kg}$

Bài 3. a. Tìm x:

$$\frac{32}{7} : x = 21$$

b. Tính giá trị của biểu thức:

$$\frac{7}{3} + \frac{4}{3} : \frac{5}{4}$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6. Một thửa ruộng có chiều cao hơn độ dài đáy 160m, biết độ dài đáy bằng $\frac{3}{5}$ chiều cao. Người ta trồng lúa ở thửa ruộng đó cứ 10m^2 thu hoạch được 4kg thóc. Hỏi thửa ruộng đó thu hoạch được tất cả bao nhiêu tạ thóc?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 10**I. TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Rút gọn phân số $\frac{100}{125}$ ta được phân số tối giản là :

A. $\frac{20}{25}$

B. $\frac{5}{4}$

C. $\frac{1}{2}$

D. $\frac{4}{5}$

Câu 2. Phân số nào sau đây bằng phân số $\frac{11}{33}$

A. $\frac{44}{55}$

B. $\frac{3}{9}$

C. $\frac{11}{3}$

D. $\frac{22}{33}$

Câu 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm

a. Một hình bình hành có diện tích là 5 dm^2 và cạnh đáy là 25 cm. Vậy chiều cao của hình bình hành đó là.....

b. Một hình thoi có độ dài hai đường chéo là 12 dm và 6 dm. Vậy diện tích của hình thoi đó là :

Câu 5. Đúng ghi đ, sai ghi s vào ô trống

a. Hình thoi là hình có 4 cạnh bằng nhau và có 4 góc vuông. ☐

b. Hai đường chéo của hình thoi cắt nhau tại trung điểm của mỗi đường. ☐

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Tính

$2 + \frac{4}{5}$

$\frac{3}{8} - \frac{1}{3}$

$\frac{7}{3} \times \frac{15}{21}$

$5 : \frac{18}{27}$

.....
.....
.....
.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2. a. Tìm x:

$$10800 : x = 25$$

b. Tính giá trị biểu thức

$$3499 + 1104 : 23 - 75$$

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3. Điền vào chỗ chấm

a. 3 giờ 15 phút =phút

b. $14 \text{ dm}^2 2 \text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ cm}^2$

Bài 4. Hai kho thóc chứa tất cả 15 tấn 8 tạ thóc. Hỏi mỗi kho chứa bao nhiêu kg thóc biết rằng số thóc của kho thứ hai bằng $\frac{2}{3}$ số thóc của kho thứ nhất.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5. Quãng đường từ nhà em đến cơ quan bố dài 35 km Nếu trên bản đồ tỉ lệ 1:100000 thì quãng đường đó dài bao nhiêu xăng ti mét?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 11**I. TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Phân số bằng phân số $\frac{3}{4}$ là:

- A. $\frac{2}{6}$ B. $\frac{6}{8}$ C. $\frac{15}{8}$ D. $\frac{9}{16}$

Câu 2. Số chia hết cho 3 là:

- A. 1030 B. 2045 C. 1103 D. 2013

Câu 3. Phân số nào sau đây là phân số tối giản?

- A. $\frac{4}{10}$ B. $\frac{2}{14}$ C. $\frac{5}{7}$ D. $\frac{8}{6}$

Câu 4. Giá trị của chữ số 4 trong số 240 865 là:

- A. 4 B. 40 C. 40 865 D. 40 000

Câu 5. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a. $1450 \text{ cm} : 25 = 58 \text{ cm}$ ☐

b. Hình thoi có hai cặp cạnh bằng nhau. ☐

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Tính:

$$\frac{3}{4} + \frac{4}{7}$$

$$\frac{5}{9} : \frac{5}{3}$$

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2. a. Tìm x:

$$\frac{6}{5} : X = \frac{2}{3}$$

b. Tính giá trị biểu thức:

$$\left(\frac{4}{9} - \frac{2}{7} \right) \times \frac{1}{2}$$

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

a. $9\text{m}^2 7\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$

b. 2 giờ 12 phút =phút

Bài 4. Một thửa ruộng hình chữ nhật có nửa chu vi 150m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài.

Tính:

a. Diện tích thửa ruộng đó?

b. Người ta cấy lúa ở đó cứ 100m^2 thu hoạch được 50kg thóc. Hỏi cả thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 12

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Phân số nào dưới đây bằng phân số $\frac{3}{5}$?

A. $\frac{12}{18}$

B. $\frac{18}{30}$

C. $\frac{12}{15}$

D. $\frac{9}{20}$

Câu 2. Phân số tối giản của phân số $\frac{24}{72}$ là:

A. $\frac{1}{6}$

B. $\frac{6}{18}$

C. $\frac{1}{3}$

D. $\frac{4}{5}$

Câu 3. Số chia hết cho 2 ; 3 ; 5 và 9 là:

A. 27070

B. 72070

C. 80001

D. 10800

Câu 4. Phân số nào dưới đây lớn hơn 1:

A. $\frac{50}{51}$

B. $\frac{51}{51}$

C. $\frac{51}{50}$

D. $\frac{48}{51}$

Câu 5. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a. Hình thoi có hai cặp cạnh đối diện song song bốn cạnh bằng nhau. ☐

b. $1kg - \frac{4}{9}kg = \frac{2}{3}kg$ ☐

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Tính

a. $\frac{7}{12} : \frac{3}{4}$

b. $4 - \frac{5}{7}$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2.a. Tìm x:

b. Tính bằng cách thuận tiện:

$$\frac{7}{15} \times \frac{4}{5} + \frac{8}{15} \times \frac{4}{5}$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

a. $\frac{3}{5}$ thế kỷ =năm

b. $32m^218cm^2 =cm^2$

Bài 4. Một thửa ruộng hình thoi có tổng độ dài hai đường chéo là 160m, đường chéo thứ nhất bằng $\frac{3}{5}$ đường chéo thứ hai. Tính:

a) Diện tích thửa ruộng hình thoi đó?

b) Người ta trồng lúa, cứ 100m² thu hoạch được 60kg thóc. Hỏi cả thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc ?**Bài giải**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 12

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. 5ngày + 9giờ = giờ. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

- A. 59 giờ B. 120 giờ C. 129 giờ D. 309 giờ

Câu 2. Phân số $\frac{4}{7}$ bằng phân số nào sau đây:

- A. $\frac{2}{7}$ B. $\frac{8}{9}$ C. $\frac{12}{21}$ D. $\frac{16}{21}$

Câu 3. Số thích hợp viết vào ô trống để 436□ chia hết cho cả 5 và 9 là:

- A. 1 B. 3 C. 5 D. 9

Câu 4. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống :

a. Hình bình hành có 4 cạnh bằng nhau ☐

b. Hình thoi có 2 cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau ☐

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm ?

a) $10\text{m}^2 23\text{cm}^2 = \text{.....cm}^2$

b) $5\,000\,000\text{m}^2 = \text{.....km}^2$

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Tính

a. $\frac{4}{5} + \frac{3}{10}$

b. $\frac{9}{7} - \frac{5}{8}$

c. $\frac{6}{7} \times \frac{14}{9}$

d. $\frac{16}{21} : \frac{8}{3}$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2. a. Tìm x

$89658 : x = 293$

b. Tính giá trị biểu thức

$192154 - 850 \times 208$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3. Tính diện tích khu đất hình bình hành có chiều cao bằng $\frac{2}{5}$ cạnh đáy và độ dài đáy hơn chiều cao là 252m.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 100 000, quãng đường từ nhà em đến trường đo được 3cm. Hỏi quãng đường thật từ nhà em đến trường dài bao nhiêu ki-lô-mét ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 13

I. TRẮC NGHIỆM

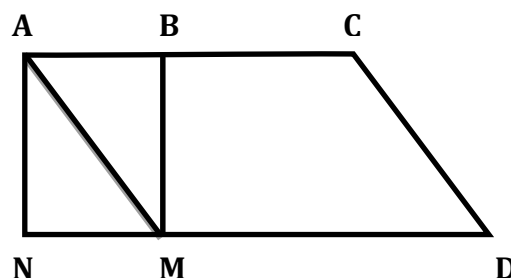
Câu 1. Trong hình bên, hình nào là hình bình hành?

- A. Hình ACDN B. Hình BCDM
C. Hình ABMN D. Hình ACDM

Câu 2. Phân số bằng với phân số $\frac{4}{9}$ là:

- A. $\frac{4}{20}$ B. $\frac{12}{27}$ C. $\frac{14}{63}$ D. $\frac{8}{28}$

Câu 3. Phân số tối giản chỉ phân tô đậm của hình sau là:



A. $\frac{2}{10}$

C. $\frac{8}{10}$

C. $\frac{1}{5}$

D. $\frac{1}{4}$

Câu 4. Số trung bình cộng của 180, 246, 120 là:

A. 546

B. 182

C. 91

D. 273

Câu 5. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a. $2125m^2 \times 12 = 25500m^2$

b. Số 92 được viết dưới dạng phân số là $\frac{1}{92}$

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Tính:

a. $\frac{7}{6} - \frac{3}{8}$

b. $\frac{7}{21} : \frac{3}{9}$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2. a. Tìm x:

b. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

$$\frac{7}{5} : x = \frac{2}{3}$$

$$\frac{5}{7} \times \frac{13}{21} + \frac{2}{7} \times \frac{13}{21}$$

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

a. $7m^2 50cm^2 = \dots\dots\dots cm^2$

b. $\frac{4}{9}$ của 81kg = $\dots\dots\dots kg$

Bài 4. Một thửa ruộng hình chữ nhật có nửa chu vi là 64m, chiều rộng bằng $\frac{5}{3}$ chiều dài.

Tính:

a) Tính diện tích thửa ruộng hình chữ nhật đó ?

b) Người ta cấy lúa trên thửa ruộng đó cứ $10m^2$ thu được 5kg thóc. Hỏi thửa ruộng đó thu được bao nhiêu yến thóc ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

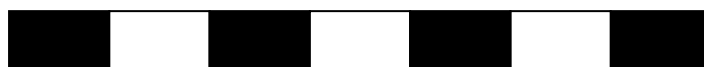
.....

-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 13

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Phân số chỉ phần tô đậm trong hình là:



A. $\frac{4}{3}$

B. $\frac{3}{4}$

C. $\frac{4}{7}$

D. $\frac{3}{7}$

Câu 2. Phân số bằng phân số $\frac{5}{6}$ là:

A. $\frac{12}{20}$

B. $\frac{20}{24}$

C. $\frac{10}{14}$

D. $\frac{35}{50}$

Câu 3. Số chia hết cho cả 2 và 5 là:

A. 5470

B. 3265

C. 2153

D. 4256

Câu 4. Phân số nào sau đây là phân số tối giản?

A. $\frac{15}{25}$

B. $\frac{5}{9}$

C. $\frac{8}{14}$

D. $\frac{12}{30}$

Câu 5. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

a. Km^2 ; hm^2 ; dam^2 ; m^2 ; dm^2 ; cm^2 ; mm^2 là đơn vị đo diện tích. ☐

b. Hình thoi có hai cặp cạnh đối diện song song. ☐

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Tính:

a. $\frac{5}{6} + \frac{7}{12} = \dots\dots\dots$

b. $\frac{4}{7} \times \frac{5}{8} = \dots\dots\dots$

Bài 2. a. Tìm x:

$$x : \frac{1}{6} = \frac{3}{5}$$

b. Tính giá trị biểu thức:

$$\left(\frac{9}{8} - \frac{1}{2} \right) : \frac{4}{6}$$

Bài 3. Điền số thích hợp vào chỗ trống:

a. $14\text{km}^2 7\text{hm}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2$

b. $\frac{3}{5}$ giờ = $\dots\dots\dots$ phút

Bài 4. Một thửa ruộng hình chữ nhật có nửa chu vi là 64m, chiều rộng bằng $\frac{3}{5}$ chiều dài.

Hỏi:

a. Tính diện tích thửa ruộng hình chữ nhật đó?

b. Người ta cấy lúa ở đó, cứ 10m^2 thu hoạch được 5kg thóc. Hỏi cả thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu kg thóc ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 14

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Phân số bằng với $\frac{3}{7}$ là:

A. $\frac{6}{17}$

B. $\frac{6}{21}$

C. $\frac{9}{21}$

D. $\frac{18}{21}$

Câu 2. Những số chia hết cho cả 5 và 9 là:

A. 540; 801

B. 635; 306

C. 855; 540

D. 234; 225

Câu 3. Cho $\frac{4}{5}$ thế kỉ = ... năm. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 80

B. 125

C. 70

D. 60

Câu 4. Đánh dấu x vào ô trống có ý phát biểu đúng

a. Hình thoi là tứ giác có 4 cạnh bằng nhau. ☐

b. Hình thoi là tứ giác có 4 cạnh bằng nhau và có 4 góc vuông. ☐

Câu 5. Nối biểu thức với giá trị cho phù hợp

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Tính:

a. $\frac{5}{6} - \frac{3}{8}$

b. $\frac{2}{9} \times 3$

c. $\frac{4}{9} : \frac{8}{3}$

d. $1 + \frac{7}{3}$

Bài 2. a. Tìm y

$$15792 : y = 42$$

b. Tính giá trị biểu thức:

$$\frac{11}{10} - \frac{2}{5} : \frac{2}{3}$$

.....
.....
.....
.....

Bài 3. Một khu đất hình chữ nhật có nửa chu vi bằng 425 m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Tính chiều dài, chiều rộng của khu đất đó.

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 4. Ruộng nhà Lan rộng 25 000 m². Trong đợt thu hoạch vừa qua, cứ 100 m² thì thu hoạch được 50kg thóc. Hỏi cả thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 15

Câu 1. Số 3 274 050 đọc là:

- a. Ba triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm năm mươi.
- b. Ba triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm năm mươi.
- c. Ba triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn không trăm năm mươi.
- d. Ba triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm.

Câu 2. Dãy phân số gồm các phân số bằng nhau là:

- A. $\frac{2}{3}; \frac{4}{6}; \frac{8}{9}; \frac{10}{15}$
- C. $\frac{2}{3}; \frac{4}{6}; \frac{6}{9}; \frac{10}{15}$
- B. $\frac{2}{3}; \frac{5}{6}; \frac{6}{9}; \frac{10}{15}$
- D. $\frac{1}{3}; \frac{4}{6}; \frac{8}{9}; \frac{10}{15}$

Câu 3. Với tỉ lệ bản đồ là 1: 10000, nếu độ dài thu nhỏ là 1cm thì độ dài thật là:

- A. 1 m^2
- B. 1m
- C. 10000cm
- D. 2m

Câu 4. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

Đặc điểm hình thoi là:

A. Hình thoi có 2 cặp cạnh đối diện song song và 2 cạnh bằng nhau. ☐

B. Hình thoi có 2 cặp cạnh đối diện song song và bốn cạnh bằng nhau. ☐

Câu 5. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: $8m^2 50cm^2 =cm^2$

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Tính:

$$\frac{1}{3} + \frac{5}{12}$$

$$\frac{2}{7} \times 4$$

$$29041 - 5987$$

$$13472 : 32$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2. a. Tìm x:

$$\frac{2}{5} : x = \frac{1}{3}$$

b. Tính giá trị biểu thức

$$\left(\frac{6}{7} - \frac{4}{7} \right) : \frac{2}{5}$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3. Một thửa ruộng hình chữ nhật có nửa chu vi là 350m, chiều rộng bằng $\frac{1}{4}$ chiều dài.

a. Tính diện tích thửa ruộng đó.

b. Thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu tấn thóc biết mỗi 1 m^2 thu được 5 kg thóc.**Bài giải**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 16

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Phân số $\frac{16}{28}$ được rút gọn thành phân số tối giản là:

- A. $\frac{1}{2}$ B. $\frac{2}{4}$ C. $\frac{8}{14}$ D. $\frac{4}{7}$

Câu 2. Trong các số 45; 540; 936; 810; 465 số vừa chia hết cho 2,5 và 9 là:

- A. 45 ; 540 B. 810 ; 465 C. 540 ; 810 D. 45 ; 936

Câu 3. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô vuông.

a. Hình thoi có hai cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau. ☐

b. Muốn tính diện tích hình thoi ta lấy tích độ dài hai đường chéo chia cho 2 (cùng đơn vị đo). ☐

Câu 4. Nối đơn vị đo ứng với giá trị thích hợp:

- | | | | |
|-------------------|---|---|--------|
| 5 tạ 5 kg | • | • | 500 kg |
| $\frac{1}{2}$ tấn | • | • | 55 kg |
| 5 yến 5 kg | • | • | 505 kg |

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

$9\text{ m}^2\text{ }70\text{cm}^2 = \text{.....cm}^2$ $\frac{3}{5}$ giờ =phút

Bài 2. Tính:

$$\frac{7}{5} - \frac{3}{10}$$

$$\frac{9}{10} : 3$$

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3. a. Tìm x:

$$\frac{3}{5} : x = \frac{9}{10}$$

b. Tính giá trị biểu thức:

$$\frac{3}{4} \times \frac{5}{6} - \frac{1}{4}$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4. Thửa ruộng hình bình hành nhà bác Hai có cạnh đáy hơn đường cao là 80m và bằng $\frac{5}{3}$ đường cao.

a. Tính diện tích thửa ruộng hình bình hành nhà bác Hai?

b. Nhà bác Hai trồng lúa trên thửa ruộng đó. Cứ 100 m² nhà bác thu được 50kg thóc. Hỏi cả thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu tấn thóc.

Bài giải

.....

.....

.....

-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 17**I. TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Kết quả của phép tính $285\,120 : 216$ là:

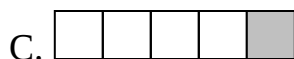
A. 1230

B. 1330

C. 1220

D. 1320

Câu 2. Hình nào có $\frac{4}{5}$ ô vuông đã tô màu ?



Câu 3. Kết quả của phép tính $\frac{2}{5} \times \frac{4}{7}$ là:

A. $\frac{8}{35}$

B. $\frac{6}{35}$

C. $\frac{8}{12}$

D. $\frac{8}{30}$

Câu 4. $\frac{2}{3}$ của 18 là:

A. 6

B. 27

C. 12

D. 36

Câu 5. Câu 5: $80\text{m}^2\,50\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$

A. 8005

B. 8500

C. 8050

D. 8055

Câu 6. Trên bản đồ người ta ghi tỉ lệ là 1 : 15 000, độ dài thu nhỏ là 3m. Vậy độ dài thật là bao nhiêu?

A. 45 000m

B. 450 000m

C. 4500m

D. 45m

II. TỰ LUẬN**Bài 1.** Tìm x:

a. $x : \frac{2}{5} = \frac{3}{7}$

b. $\frac{6}{5} - x = \frac{7}{8}$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2. Tính

a. $\frac{2}{5} + \frac{3}{4}$

b. $\frac{2}{5} + \frac{3}{10} - \frac{1}{2}$

c) $\frac{8}{11} + \frac{8}{33} \times \frac{3}{4}$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3. Một miếng kính hình thoi có độ dài đường chéo thứ nhất là 25m, đường chéo thứ

hai có độ dài bằng $\frac{3}{5}$ độ dài đường chéo thứ nhất. Tính diện tích miếng kính đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4. Tính bằng cách thuận tiện nhất

$$3 \times \frac{7}{10} + \frac{7}{10} \times 5 + 2 \times \frac{7}{10}$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5. Tổng của hai số là số chẵn lớn nhất có hai chữ số. Số bé bằng $\frac{3}{4}$ số lớn. Tìm hai số đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 18

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm $98\text{m}^2\ 7\text{dm}^2 = \dots\dots\text{dm}^2$ là

- A. 987 B. 9807 C. 98 007 D. 90 870

Câu 2. Phân số $\frac{4}{5}$ bằng phân số nào dưới đây:

- A. $\frac{20}{12}$ B. $\frac{24}{30}$ C. $\frac{12}{15}$ D. $\frac{7}{18}$

Câu 3. Biết $a = 4$, $b = 5$. Tỉ số của a và b được viết là:

- A. $\frac{4}{5}$ B. $\frac{5}{4}$ C. $\frac{9}{5}$ D. $\frac{1}{2}$

Câu 4. Trên bản đồ ghi tỉ lệ 1 : 10 000 quãng đường từ A đến B đo được 2 dm . Như vậy độ dài thật của quãng đường từ A đến B là :

- A. 20 000m B. 200 000dm C. 2km D. 2000cm

Câu 5. Kết quả của phép tính: $\frac{1}{3} + \frac{1}{4} \times \frac{2}{3}$ là:

- A. $\frac{4}{21}$ B. $\frac{1}{2}$ C. $\frac{7}{18}$ D. $\frac{20}{12}$

Câu 6. Một hình chữ nhật có chiều rộng 90cm, chiều dài bằng $\frac{6}{5}$ chiều rộng. Chu vi của hình chữ nhật là:

- A. 9720cm B. 120cm C. 198cm D. 396cm

Câu 7. Mẹ hơn con 30 tuổi ,biết rằng tuổi của mẹ gấp 3 lần tuổi con, tuổi của mẹ là:

- A. 40 tuổi B. 50 tuổi D. 35 tuổi C .45 tuổi

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Tính giá trị của biểu thức:

a) $2550 : 25 + 5306$

b) $4214 - 5428 : 236$

.....

.....

.....

.....

Bài 2. Một hình chữ nhật có chu vi bằng 240cm, chiều dài bằng $\frac{7}{5}$ chiều rộng. Tính diện tích của hình chữ nhật đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3. Trung bình cộng của hai số bằng 345 , số bé kém số lớn 180 . Tìm hai số đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 19**I. TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Trong các số 75, 120, 365, 752, 565 số chia hết cho cả 3 và 5 là:

- A. 752, 120 B. 365, 565 C. 75, 365 D. 120, 75

Câu 2. Trung bình cộng của hai số là 27, số bé là 19 thì số lớn là:

- A. 54 B. 35 C. 46 D. 23

Câu 3. $1m^2 + 18cm^2 = \dots cm^2$

- A. 118 B. 1018 C. 10018 D. 100018

Câu 4. Tìm số tròn chục x, biết $27 < x < 55$:

- A. 30, 40, 50 B. 50, 60, 70 C. 20, 30, 40 D. 40, 50, 60

Câu 5. Đúng ghi “Đ”, sai ghi “S” vào ô trống.

a. Chu vi của hình vuông có diện tích $16m^2$ bằng 16m

☐

b. Phân số $\frac{4}{5}$ bằng phân số $\frac{16}{20}$

☐**II. TỰ LUẬN**

Bài 1. Tính

$$\frac{3}{4} + \frac{5}{12}$$

$$\frac{4}{9} \div \frac{8}{3}$$

.....
.....
.....
.....

Bài 2.a. Tìm y

$$42 \times y = 15792$$

b. Tính giá trị biểu thức

$$\frac{11}{10} - \frac{2}{5} : \frac{2}{3}$$

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 3. Một khu đất hình chữ nhật có nửa chu vi bằng 125m, chiều rộng bằng $\frac{1}{4}$ chiều dài.

a. Tính diện tích khu đất đó.

b. Trên khu đất đó người ta cho trồng lúa. Cứ 1m^2 thu hoạch được 2kg thóc. Vậy theo em, cả khu đất đó thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

Bài giải

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

.....
Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

$1\text{kg } 30\text{g} = \dots\dots\dots \text{g}$

$3 \text{ giờ } 15 \text{ phút} = \dots\dots\dots \text{phút}$

-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 20**I. TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Trung bình cộng của các số: 150 ; 151 và 152 là:

A. 150

B. 152

C. 151

D. 453

Câu 2. Trong các số 27 ; 54 ; 150 ; 270. Số chia hết cho cả 2 ; 3 ; 5 và 9 là:

A. 36

B. 180

C. 150

D. 250

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

$\frac{1}{6} \text{ ngày} = \dots\dots\dots \text{giờ}$

$5000 \text{ tạ} = \dots\dots\dots \text{tấn}$

$2\,000\,305 \text{ m}^2 = \dots\dots \text{ km}^2 \dots\dots \text{ m}^2$

$\frac{1}{4} \text{ thế kỉ} = \dots\dots\dots \text{ năm}$

Câu 4. Biểu thức $\frac{15}{17} \times \frac{45}{33} - \frac{15}{17} \times \frac{12}{33}$ có kết quả là:

A. $\frac{20}{17}$

B. $\frac{30}{33}$

C. $\frac{20}{33}$

D. $\frac{15}{17}$

Câu 5. Tìm x biết $x + 295 = 45 \times 11$. Vậy x là:

A. 200

B. 495

C. 790

D. 350

Câu 6. Hai lớp 4A và 4B thu gom được tất cả 250 ki-lô-gam giấy vụn. Lớp 4A thu gom được nhiều hơn lớp 4B là 20 ki-lô-gam giấy vụn. Hỏi lớp 4A thu gom được nhiều ki-lô-gam giấy vụn ?

A. 125kg

B. 135kg

C. 230kg

D. 270kg

Câu 7. Một hình bình hành có chiều cao 2dm và độ dài đáy 10cm. Diện tích hình bình hành đó là:

A. 20cm^2

B. 200cm^2

C. 20dm^2

D. 24dm^2

Câu 8. Một hình thoi có độ dài các đường chéo là 60dm và 4m. Diện tích hình thoi là:

A. 120dm^2

B. 240m^2

C. 12m^2

D. 24dm^2

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Tính:

$15 + \frac{9}{3}$

$\frac{4}{9} - \frac{5}{18}$

$\frac{3}{5} \times \frac{5}{7}$

$\frac{4}{7} \div \frac{2}{7}$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2. Bà hơn cháu 60 tuổi. Biết tuổi cháu bằng $\frac{1}{4}$ tuổi bà. Tính tuổi mỗi người?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 15m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài.

Trung bình cứ 1m^2 vườn đó người ta thu được 10kg cà chua. Hỏi trên cả mảnh vườn đó người ta thu được bao nhiêu ki-lô-gam cà chua?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4. Tính bằng cách thuận tiện nhất: $(36 + 54) \times 7 + 7 \times 9 + 7$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 21

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Phân số nào dưới đây bằng phân số $\frac{5}{8}$?

A. $\frac{10}{24}$

B. $\frac{10}{13}$

C. $\frac{25}{40}$

D. $\frac{30}{45}$

Câu 2. $3\text{m}^2\ 13\text{dm}^2 = \dots\dots\dots\text{dm}^2$

A. 313

B. 3013

C. 30013

D. 46

Câu 3. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 200, chiều dài phòng học lớp đo được 5cm. Chiều dài thật của phòng học đó là:

A. 5m

B. 10m

C. 100m

D. 7m

Câu 4. Một tấm kính hình thoi có độ dài các đường chéo là 30cm và 18cm. Diện tích tấm kính hình thoi đó là:

A. 270dm^2 B. 270cm^2 C. 540cm^2 D. 54dm^2

Câu 5. Một tổ có 14 bạn, trong đó có 5 bạn nữ.

Tỉ số của số bạn nữ và số bạn cả tổ là:

Tỉ số của số bạn nam và số bạn nữ là:

Câu 6. Giá trị của chữ số 8 trong số 10 873 là:

A. 8

B. 80

C. 800

D. 8000

Câu 7. Tính:

$\frac{1}{4} + \frac{2}{7}$

$\frac{2}{5} + \frac{3}{4}$

$\frac{3}{2} - \frac{5}{8}$

$\frac{3}{7} \times \frac{4}{5}$

$\frac{2}{5} : \frac{2}{3}$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 8. Tính giá bằng cách thuận tiện nhất:

$$127 \times 57 + 127 \times 43 \qquad x \times \frac{2}{3} = \frac{7}{3}$$

Câu 9. Một thửa ruộng hình chữ nhật có nửa chu vi 200m, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài.

- Tính chiều dài và chiều rộng của thửa ruộng đó.
- Tính diện tích thửa ruộng.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 10. Hiện nay mẹ hơn con 28 tuổi. Sau 3 năm nữa, tuổi mẹ gấp 5 lần tuổi con. Tính tuổi mẹ hiện nay.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 22**I. TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Phân số $\frac{4}{5}$ bằng phân số nào dưới đây:

A. $\frac{20}{16}$

B. $\frac{16}{20}$

C. $\frac{16}{15}$

D. $\frac{12}{16}$

Câu 2. Số thích hợp điền vào chỗ chấm của phân số $\frac{12}{32} = \frac{\dots\dots\dots}{8}$ là:

A. 2

B. 4

C. 3

D. 6

Câu 3. Kết quả của phép tính $1944:162$ là:

A. 12

B. 102

C. 112

D. 1002

Câu 4. Tổng của hai số bằng số lớn nhất có hai chữ số. Tỉ số của hai số đó là $\frac{4}{5}$. Số bé là:.....

Câu 5. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

$8\text{dm}^2 7\text{cm}^2 = 87\text{cm}^2$

☐

$4 \text{ phút } 15 \text{ giây} = 255 \text{ giây}$

☐

Câu 6. Viết tiếp vào chỗ chấm để được câu trả lời đúng:

Một tấm kính hình thoi có độ dài các đường chéo là 18cm và 30cm. Tính diện tích tấm kính đó.

Trả lời: Diện tích của tấm kính đó là

Câu 7. Tính:

a. $\frac{2}{3} \times \frac{5}{7}$

b. $\frac{3}{7} : 2$

Câu 8. Tìm x

$2996 : x = 16 + 12$

$x - \frac{11}{5} = \frac{2}{5}$

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 9. Một mảnh vườn hình chữ nhật có nửa chu vi là 90dm, chiều rộng bằng $\frac{4}{5}$ chiều dài. Tính diện tích mảnh vườn đó.

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 10. Tính nhanh: $\frac{2}{5} + \frac{6}{9} + \frac{3}{4} + \frac{3}{5} + \frac{1}{3} + \frac{1}{4}$

.....
.....
.....
.....
.....
.....

-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 23

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Phân số chỉ phần đã tô đậm trong hình dưới đây là:



- A. $\frac{1}{6}$ B. $\frac{5}{6}$ C. $\frac{6}{5}$ D. $\frac{5}{10}$

Câu 2. Phân số “ Hai mươi bốn phần ba mươi hai” được viết là:

- A. $\frac{32}{24}$ B. $\frac{240}{320}$ C. $\frac{24}{32}$ D. $\frac{24}{320}$

Câu 3. Phân số lớn hơn 1 là:

- A. $\frac{4}{5}$ B. $\frac{2}{5}$ C. $\frac{6}{5}$ D. $\frac{7}{5}$

Câu 4. Cho $\frac{5}{6} : \frac{\dots\dots\dots}{4} = \frac{2}{3}$. Số thích hợp để điền vào ô trống là:

- A. 1 B. 3 C. 5 D. 15

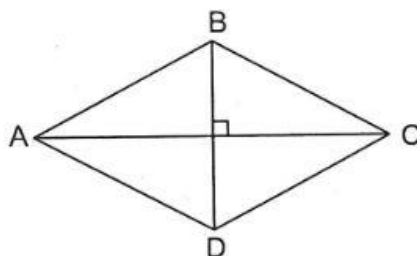
Câu 5. Đúng ghi Đ, sai ghi S.

- | | | | |
|---------------------|--------------------------|-----------------------|--------------------------|
| A. $3m^2 = 350dm^2$ | ☐ | B. 5 phút = 250 giây | ☐ |
| C. 3 tấn = 3000kg | ☐ | D. 2 thế kỉ = 200 năm | ☐ |

Câu 6. Một con vịt cân nặng 3kg 200g, một con cá cân nặng 800g. Hỏi cả gà và cá cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

- A. 40kg B. 30kg C. 3kg D. 4kg

Câu 7. Quan sát hình thoi ABCD:



Nêu tên các cặp cạnh song song với nhau:

Biết đường chéo $AC = 6cm$; đường chéo BD bằng $3cm$.

Diện tích của hình thoi là:.....

Câu 8. Trên bản đồ tỉ lệ 1: 300, chiều dài phòng học đo được 4cm. Hỏi chiều dài thật của phòng học là mấy mét ?

A. 6m

B. 12m

C. 10m

D. 15m

II. TỰ LUẬN**Bài 1.** Tính:

$$\frac{1}{2} + \frac{2}{5}$$

$$\frac{2}{3} - \frac{1}{5}$$

$$\frac{2}{3} \times \frac{4}{5}$$

$$\frac{3}{4} : \frac{5}{6}$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2. Khối lớp Bốn và khối lớp Năm có tất cả 224 học sinh. Số học khối lớp Bốn bằng $\frac{4}{3}$ số học sinh khối lớp Năm. Tính số của khối lớp Bốn, số học sinh của khối lớp Năm.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 24

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Phân số lớn nhất trong các phân số $\frac{1}{3}; \frac{1}{6}; \frac{2}{5}; \frac{3}{2}$ là:

- A. $\frac{3}{2}$ B. $\frac{1}{6}$ C. $\frac{2}{5}$ D. $\frac{1}{3}$

Câu 2. Số chia hết cho cả 2 và 5 là:

- A. 1 457 B. 4 355 C. 2 502 D. 1 890

Câu 3. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm của 4 tấn 75 kg =kg là:

- A. 475 B. 4 075 C. 4 750 D. 40 075

Câu 4. Giá trị của biểu thức $\frac{2}{5} \times \frac{1}{2} : \frac{1}{3}$ là:

- A. $\frac{3}{5}$ B. $\frac{1}{5}$ C. $\frac{2}{5}$ D. $\frac{1}{15}$

Câu 5. Một mảnh đất hình bình hành có độ dài đáy 40m, chiều cao bằng $\frac{2}{5}$ độ dài đáy.

Diện tích mảnh đất đó là:

- A. 16m². B. 640m² C. 64dm² D. 160cm²

Câu 6. $115 : x - 15 : x = 20$, giá trị của x là:

- A. 5 B. 23 C. 3 D. 100

Câu 7. Số thứ 16 của dãy số: 2, 4, 6, 8, 10, là:

- A. 36 B. 24 C. 32 D. 40

Câu 8. Trung bình cộng của hai số là 80. Số lớn bằng $\frac{3}{2}$ số bé. Vậy số lớn là:

A. 64

B. 96

C. 160

D. 32

Câu 9. Một người bán được số gạo tẻ nhiều hơn số gạo nếp là 20 kg, trong đó $\frac{1}{5}$ số gạo tẻ bằng $\frac{1}{3}$ số gạo nếp. Số gạo nếp là:

A. 10

B. 50

C. 20

D. 30**II. TỰ LUẬN****Bài 1.** Tìm x

$$x \times 34 = 714$$

$$\text{b) } x + \frac{4}{5} = \frac{3}{2}$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2. Một thửa ruộng hình chữ nhật có nửa chu vi là 60m, chiều dài bằng $\frac{7}{5}$ chiều rộng. Tính diện tích thửa ruộng hình chữ nhật đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....
Bài 3. Hiện nay mẹ hơn con 24 tuổi, 3 năm nữa tuổi mẹ gấp 3 lần tuổi con. Hỏi hiện nay mẹ bao nhiêu tuổi?

Bài giải

-----Hết-----

ĐỀ THI SỐ 25

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Phân số lớn nhất trong các phân số $\frac{3}{7}$; $\frac{7}{7}$; $\frac{3}{2}$; $\frac{23}{24}$ là:

A. $\frac{3}{7}$

B. $\frac{7}{7}$

C. $\frac{3}{2}$

D. $\frac{23}{24}$

Câu 2. Số chia hết cho cả 2 và 5 là:

A. 1 457

B. 2 310

C. 2 102

D. 2 795

Câu 3. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm của 7 tấn 20kg =kg là:

A. 720

B. 7 200

C. 7 020

D. 70 200

Câu 4. Giá trị của biểu thức $\frac{1}{2} : \frac{3}{4} \times \frac{1}{6}$ là:

- A. $\frac{1}{9}$ B. $\frac{3}{9}$ C. $\frac{5}{9}$ D. $\frac{1}{48}$

Câu 5. Một hình thoi có diện tích là 1350cm^2 và độ dài một đường chéo là 30cm. Độ dài đường chéo còn lại của hình thoi đó là:

- A. 90cm B. 180cm C. 360cm D. 45cm

Câu 6. $18 : x + 36 : x = 9$. Giá trị của x là:

- A. 9 B. 6 C. 16 D. 54

Câu 7. Số thứ 15 của dãy số: 2,4,6,8,10, là:

- A. 30 B. 24 C. 32 D. 40

Câu 8. Trung bình cộng của hai số là 80. Số lớn bằng $\frac{3}{2}$ số bé. Vậy số bé là:

- A. 64 B. 96 C. 160 D. 32

Câu 9. Một người bán được số gạo tẻ nhiều hơn số gạo nếp là 20 kg, trong đó $\frac{1}{5}$ số gạo tẻ bằng $\frac{1}{3}$ số gạo nếp. Số gạo tẻ là:

- A. 10 B. 50 C. 20 D. 30

Câu 10. Tìm x :

$$x \times 32 = 72 \qquad x + \frac{7}{2} = \frac{4}{5}$$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 11. Một thửa ruộng hình chữ nhật có nửa chu vi là 64m, chiều dài bằng $\frac{5}{3}$ chiều rộng. Tính diện tích thửa ruộng hình chữ nhật đó.

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 12. Hiện nay mẹ hơn con 28 tuổi, 3 năm nữa mẹ gấp 5 lần tuổi con. Hỏi hiện nay mẹ bao nhiêu tuổi?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....